

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 193/2018/HS-ST
Ngày: 08/8/2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỦ ĐỨC, TP.HCM**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tôn Trung Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Lượng
2. Ông Lê Văn Lý

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiền Lương – Thư ký

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức tham gia phiên tòa:
Ông Lê Phong - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 146/2018/TLST-HS ngày 22/6/2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 141/2018/QĐXXST-HS ngày 10/7/2018, đối với bị cáo:

Nguyễn Hoàng T; sinh năm: 1984; tại: Thành phố Hồ Chí Minh; hộ khẩu thường trú: 38/20F đường L, Phường x, quận T, TP Hồ Chí Minh; chỗ ở: không có nơi ở nhất định; nghề nghiệp: không; trình độ văn hoá (học vấn): 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Hồng Q; và bà: Đỗ Thị Đ; chưa có vợ con; tiền án: Ngày 31/3/2004, bị Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 02 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 07/01/2006; Ngày 26/10/2006, bị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 04 năm tù về tội “Cướp giật tài sản”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 16/3/2010; Ngày 25/3/2011, bị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phúc thẩm, phạt 07 năm tù về tội “Cướp giật tài sản”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 19/02/2017; tiền sự: không; bị bắt, tạm giam ngày: 21/12/2017. (Có mặt)

- Bị hại:

1. Anh Võ Thanh S, sinh năm 1985, địa chỉ: 24/2 khu phố Đ, phường B, thị xã D, tỉnh Bình Dương. (Vắng mặt)

2. Anh Nguyễn Văn A, sinh năm 1998, địa chỉ: 84/4 đường x, khu phố y, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. vm[

3. Anh Nguyễn Tấn L, sinh năm 1997, địa chỉ: 156/4A đường x, phường T, Quận z, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt)

4. Anh Phan Đăng H, sinh năm 1997, địa chỉ: 102/55 đường x, khu phố y, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt)

- *Người tham gia tố tụng khác: Người làm chứng:*

1. Anh Huỳnh Phi H, sinh năm 1983. (Vắng mặt)

2. Anh Nguyễn Quang H, sinh năm 1972. (Vắng mặt)

3. Chị Nguyễn Thị Kim C, sinh năm 1995. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

[1] Khoảng 23 giờ 00 ngày 16/10/2017, Nguyễn Hoàng T điều khiển xe mô tô hiệu Yamaha Sirius biển số 59V1-565.22 lưu thông trên Tỉnh lộ x, phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh thì T nhìn thấy anh Võ Thanh S đầu xe mô tô Yamaha Sirius biển số 61C-712.27 phía trước nhà số 1379 Tỉnh lộ x, phường B, quận T đang cầm điện thoại di động Iphone 6S nhắn tin, T nảy sinh ý định cướp giật bán lấy tiền tiêu xài, T điều khiển xe mô tô đi từ sau đến áp sát bên phải xe mô tô của anh S rồi dùng tay trái giật điện thoại di động Iphone 6S của anh S đang cầm trên tay và tăng ga bỏ chạy. Anh S dùng xe mô tô của mình truy đuổi T đến khu vực chợ Đ, thuộc Khu phố y, phường T, quận T thì dùng xe mô tô của mình đụng vào xe mô tô của T làm cả 2 xe ngã xuống đường. Anh S cùng với bảo vệ chợ Đ phẩm bắt giữ T cùng vật chứng, kiểm tra trong người T thu giữ 01 điện thoại hiệu OPPO-F3, 01 điện thoại hiệu VIVO-V3, 01 điện thoại hiệu Samsung J7 giao cho Công an phường T lập hồ sơ xử lý.

Quá trình làm việc tại Công an phường T, lợi dụng sơ hở, T tháo còng bỏ trốn. Đến ngày 21/12/2017 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận T đã bắt lại được T theo Quyết định truy nã 01 ngày 20/11/2017.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận T, Nguyễn Hoàng T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như trên. Ngoài ra, T còn khai nhận đã thực hiện 03 vụ cướp giật điện thoại di động khác trên địa bàn phường T, phường B và phường L trong ngày 16/10/2017 như sau:

- Vụ thứ 1: Lúc 21 giờ 25 ngày 16/10/2017, Nguyễn Hoàng T điều khiển xe mô tô biển số Yamaha Sirius biển số 59V1-565.22 đi một mình đến khu vực phường T, quận T. Khi đến trước sân nhà số 84/4 đường x, khu phố y, phường T, quận T, T nhìn thấy anh Nguyễn Văn A đang ngồi cầm điện thoại di động hiệu OPPO F3 Lite nhắn tin, thì T điều khiển xe mô tô chạy vào sân nhà rồi áp sát anh A dùng tay trái giật điện thoại của anh A rồi tăng ga điều khiển xe bỏ chạy tẩu thoát.

- Vụ thứ 2: Sau khi cướp giật điện thoại của anh Nguyễn Văn A. Khoảng 22 giờ 00 ngày cùng ngày, T điều khiển xe mô tô đến ngã tư B để về đường Đ, phường T, quận T. Khi đi qua nhà số 3 đường P, Khu phố x, phường B, quận T, T nhìn thấy anh Nguyễn Tấn L đang ngồi cầm điện thoại di động hiệu VIVO-V3 chơi game, T điều khiển xe mô tô Yamaha Sirius biển số 59V1- 565.22 đến áp sát, dùng tay trái giật điện thoại của anh Liêm rồi tăng ga điều khiển xe bỏ chạy.

- Vụ thứ 3: Sau khi cướp giật điện thoại của anh Nguyễn Văn A, Nguyễn Tấn L. Đến khoảng 22 giờ 30 ngày cùng ngày, T điều khiển xe mô tô chạy về hướng chợ T. Khi đến trước cửa hàng VinMax số 58 đường T, khu phố x, phường L, quận T thấy anh Phan Đăng H đang cầm điện thoại hiệu Samsung J7 nghe điện thoại ở trước cửa hàng VinMart, thì T điều khiển xe mô tô từ phía sau đèn áp sát, dùng tay trái giật điện thoại của anh Huy rồi tăng ga điều khiển xe bỏ chạy thoát về hướng chợ T, phường T, quận T.

Căn cứ kết luận định giá tài sản số 1257/UBND-TCKH ngày 18/6/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng Hình sự, kết luận: 01 điện thoại di động hiệu OPPO F3 Lite, T giá 5.446.000 đồng, 01 điện thoại di động hiệu VIVO-V3, T giá 2.000.000 đồng, 01 điện thoại di động hiệu Samsung J7, T giá 3.500.000 đồng, 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6S, T giá 7.000.000 đồng. Tổng T giá 17.946.000 đồng.

Vật chứng vụ án:

- 01 điện thoại di động hiệu OPPO F3 Lite.
- 01 điện thoại di động hiệu VIVO-V3.
- 01 điện thoại di động hiệu Samsung J7
- 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6S.
- 01 xe mô tô hiệu Yamaha Sirius biển số 59V1 - 565.22.

Qua xác minh xe mô tô hiệu Yamaha Sirius màu đỏ đen, biển số 59V1-565.22, loại xe 02 bánh, số máy 5C6H156919, số khung RLCS5C6H0FY156903, mang biển số giả. Chủ đăng ký biển số xe mô tô 59V1 - 565.22 là anh Lý Hồng Thanh Ph, hiện xe mô tô anh Ph vẫn đang sử dụng. Giám định xe mô tô có số máy 5C6H156919, số khung RLCS5C6H0FY156903 là xe mô tô mang biển số 66B1-266.01 chủ sở hữu là anh Nguyễn Thành C, hiện anh C không có mặt tại địa phương, đi đâu không rõ. T khai xe mô tô trên mua lại ở một cửa hàng mua bán xe cũ ở phường B, quận T.

Trách nhiệm dân sự: 01 điện thoại di động hiệu OPPO F3 Lite đã trả lại cho anh Nguyễn Văn A, 01 điện thoại di động hiệu VIVO-V3 đã trả lại cho anh Nguyễn Tấn L, 01 điện thoại di động hiệu Samsung J7 đã trả lại cho anh Phan Đăng H, 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6S đã trả lại cho anh Võ Thanh S, anh A, L, H, S không có yêu cầu gì thêm.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng truy tố

Bị hại Phan Đăng H khai sự việc diễn ra đúng như Cáo trạng nêu, anh đã nhận lại chiếc điện thoại và không có yêu cầu gì

[2] Bản Cáo trạng số 149/CT-VKS-TĐ ngày 18/6/2018 của Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức truy tố Nguyễn Hoàng T về tội: “Cướp giật tài sản” theo điểm c, d khoản 2 Điều 136 Bộ Luật Hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bị cáo phạm tội “Cướp giật tài sản”; áp dụng điểm c, d khoản 2 Điều 136 Bộ luật hình sự năm 1999, cùng tình tiết giảm nhẹ thành khẩn khai báo để xử phạt bị cáo từ 06 năm đến 07 năm tù; phần dân sự đã giải quyết xong, vật chứng xử lý theo quy định của pháp luật.

Bị cáo Nguyễn Hoàng T không tranh luận hoặc bào chữa gì. Bị hại Phan Đăng H không có ý kiến tranh luận.

Bị cáo Nguyễn Hoàng T nói lời sau cùng xin Tòa án xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Thủ Đức, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo Nguyễn Hoàng T phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng, biên bản bắt giữ người có hành vi phạm tội quả tang, vật chứng và các tài liệu chứng cứ đã thu thập được, có căn cứ xác định bị cáo T đã nhiều lần có hành vi cướp giật tài sản của nhiều bị hại. Tài sản chiếm đoạt của anh Nguyễn Văn A 01 điện thoại di động hiệu OPPO F3 Lite, T giá 5.446.000 đồng, của anh Nguyễn Tấn L 01 điện thoại di động hiệu VIVO-V3, T giá 2.000.000 đồng, của anh Phan Đăng H 01 điện thoại di động hiệu Samsung J7, T giá 3.500.000 đồng, của anh Võ Thanh S 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6S, T giá 7.000.000 đồng. Như vậy, có đủ cơ sở pháp lý kết luận bị cáo Nguyễn Hoàng T đã phạm vào “Tội cướp giật tài sản” tội phạm và hình phạt được quy định, trừng T tại Điều 136 Bộ luật hình sự năm 1999.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, vì động cơ vụ lợi, đã

cố ý xâm phạm đến quyền sở hữu của người khác được pháp luật bảo vệ, ảnh hưởng đến an ninh trật tự xã hội, thể hiện bị cáo rất liều lĩnh và xem thường pháp luật của Nhà nước. Tính nguy hiểm của hành vi bị cáo thực hiện còn thể hiện ở việc bị cáo sử dụng thủ đoạn nguy hiểm, dùng xe gắn máy có phân khối lớn để cướp giật tài sản của bị hại trên đường, hành vi này có khả năng gây nguy hiểm cho bị hại và những người khác lưu thông trên đường, đây là tình tiết định khung hình phạt quy định tại điểm d khoản 2 Điều 136 Bộ luật hình sự năm 1999; về nhân thân, bị cáo đã nhiều lần bị Tòa án xét xử, đã tái phạm, chưa được xóa án lại tiếp tục phạm tội, thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm, đây là tình tiết tăng nặng định khung quy định tại điểm c khoản 2 Điều 136 Bộ luật hình sự năm 1999; bị cáo trong thời gian ngắn đã phạm tội liên tục trong 4 lần cướp giật tài sản, phạm tội nhiều lần là tình tiết tăng nặng quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999; bị cáo không có nghề nghiệp, lấy việc phạm tội làm phương tiện kiếm sống, tính cả 02 lần phạm tội cướp giật tài sản trước đây là 06 lần cướp giật tài sản, thuộc trường hợp phạm tội có tính chất chuyên nghiệp là tình tiết tăng nặng định khung quy định tại điểm b khoản 2 Điều 136 Bộ luật hình sự năm 1999. Vì vậy cần xử lý bị cáo với mức án nghiêm phù hợp với tính chất, hành vi, mức độ phạm tội, vai trò và nhân thân của bị cáo mới có tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa.

[3] Tuy nhiên khi lượng hình cần xem xét cho bị cáo tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999, nên xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

[4] Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng:

- Bị hại anh Nguyễn Văn A, anh Nguyễn Tấn L, anh Phan Đăng H, anh Võ Thanh S đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường gì khác, phần dân sự đã giải quyết xong.

- 01 xe mô tô hiệu Yamaha Sirius biển số 59V1-565.22, số máy 5C6H156919, số khung RLCS5C6H0FY156903, qua xác minh xe mang biển số giả. Chủ đăng ký biển số xe mô tô 59V1 - 565.22 là anh Lý Hồng Thanh Ph, hiện xe mô tô anh Ph vẫn đang sử dụng. Giám định xe mô tô có số máy 5C6H156919, số khung RLCS5C6H0FY156903 là xe mô tô mang biển số 66B1-266.01 chủ sở hữu là anh Nguyễn Thành C, hiện anh C không có mặt tại địa phương, đi đâu không rõ. T khai xe mô tô trên mua lại ở một cửa hàng mua bán xe cũ ở phường B, quận T. Xét thấy xe hiện không xác định được chủ sở hữu, bị cáo sử dụng xe làm phương tiện gây án nên cần thông báo tìm chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp của chiếc xe. Hết thời hạn 6 tháng mà không tìm được chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp thì tịch thu chiếc xe để nộp ngân sách nhà nước. Đối với biển số 59V1-565.22 là giả, cần tịch thu tiêu hủy.

[5] Về án phí: bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Tuyên bố bị cáo Nguyễn Hoàng T phạm “Tội cướp giật tài sản”.

- Căn cứ điểm b, c, d khoản 2 Điều 136, điểm g khoản 1 Điều 48, điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999,

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Hoàng T 06 (Sáu) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 21/12/2017.

- Căn cứ khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 1 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự,

+ Tịch thu tiêu hủy: 01 biển số 59V1-565.22.

+ Thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng theo quy định của pháp luật để tìm chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp của 01 xe mô tô hiệu Yamaha Sirius, số máy 5C6H156919, số khung RLCS5C6H0FY156903. Hết thời hạn 6 tháng mà không tìm được chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp thì tịch thu chiếc xe để nộp ngân sách nhà nước.

(Phiếu nhập kho số 138 ngày 18/7/2018, tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Thủ Đức)

- Án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, bị cáo Nguyễn Hoàng T chịu 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

- Quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án. Riêng bị hại vắng mặt, thời gian kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:

- Bị cáo, Bị hại;
- VKSND, CA, Chi cục THA Q.TĐ;
- PC27;
- VKSND Tp.HCM;
- Sở Tư pháp Tp.HCM;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tôn Trung Tuấn